TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG RIỀNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 22 - 01 - 2020
V/v: "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình - ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Dương Văn Hôm
Các Hội thẩm nhân dân:
1.Ông Phan Ngọc Lợi
2. Ông Võ Minh Tuấn

- Thư ký phiên toà: Bà Võ Thị Mỹ Nhan – Thư ký Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 381/2019/TLST - HNGĐ, ngày 29 tháng 8 năm 2019 về tranh chấp hôn nhân và gia đình - ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 142/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2019. Giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Mai Xuân H, sinh năm: 1997; địa chỉ cư trú: Ấp Thạnh Xuân, xã Thạnh Hưng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (có mặt)

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm: 1986; địa chỉ cư trú: ấp Thạnh Trung, xã Thạnh Hưng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Ngọc Lvà bà Bùi Thị M(Bùi Tuyết Mai); cùng địa chỉ cư trú: Ấp Thạnh Trung, xã Thạnh Hưng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (Bà Mai có mặt, ông Long vắng mặt)

3.2. Ông Mai Văn Hvà bà Đinh Thị Bích v; cùng địa chỉ cư trú: Ấp Thạnh Xuân, xã Thạnh Hưng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (có mặt)

3.3. Ngân hàng Thương mại cổ phần Nam Á - chi nhánh Kiên Giang; địa chỉ: Số 78 Trần Phú, phường Vĩnh Thanh, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt)

3.4. Ngân hàng Thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam- chi nhánh Cần Thơ - phòng giao dịch Cờ Đỏ; địa chỉ: Lô 20-21 Hà Huy Giáp, ấp Thới Thuận, thị trấn Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/5/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Chị Mai Xuân H trình bày:

Chị và Anh Nguyễn Văn H tự tìm hiểu quen biết nhau được cha mẹ hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới vào ngày 29/5/2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Hưng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 8/2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp tánh tình, bất đồng quan điểm thường xuyên cải nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 11/2018 cho đến nay.

Trong quá trình chung sống chị và anh H không có con chung.

Về tài sản chung của vợ chồng gồm có:

- Trong ngày cưới cha mẹ chồng là ông Nguyễn Ngọc L, bà Bùi Thị Mcho 20 (hai mươi) chỉ vàng 24k loại 9999 (trong đó có đôi bông tai 01 chỉ)

- Cha mẹ ruột chị là ông Mai Văn Hiệp, bà Đinh Thị Bích v cho 10 (mười) chỉ vàng 24k loại 9999 và 17 (mười bảy) chỉ vàng 18k

Tài sản riêng của chị gồm có: 03 (ba) chỉ vàng 24k và số tiền là 11.500.000 đồng (mười một triệu năm trăm nghìn đồng)

Ngoài ra còn có nhà và đất do cha mẹ chồng cho chị không biết rõ thông tin do giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp vay vốn tại ngân hàng.

Toàn bộ tài sản trên chị đã cho mẹ chồng là bà Bùi Thị Mmượn, việc cho mượn chỉ thỏa thuận miệng với nhau, chị là người trực tiếp giao toàn bộ tài sản trên cho bà Mai và cùng bà Mai đi thế chấp tại tiệm vàng Anh Tài ngụ thị trấn Giồng Riềng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang với số tiền là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), số tiền trên chị đã giao cho bà Mai.

Về nợ chung:

- Nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần Nam Á – chi nhánh Kiên Giang số tiền là 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng).

- Nợ Ngân hàng Xuất nhập khẩu Việt Nam EXIMBANK – chi nhánh Cần Thơ – phòng giao dịch Cờ Đỏ số tiền là 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu đồng).

Toàn bộ số nợ trên là do vợ chồng chị vay giùm cho ông Long, bà Mai.

Nay chị Hkhởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết:

Về hôn nhân: Chị Hyêu cầu được ly hôn với Anh Nguyễn Văn H

Về con chung: Không có

Về tài sản và nợ chung: Tại đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đề ngày 21/11/2019 và tại phiên tòa chị Hxin rút lại yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản và nợ chung của vợ chồng.

***Tại bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 20/9/2019, quá trình giải quyết vụ án Anh Nguyễn Văn H trình bày*:** Anh H xác định lời trình bày của chịi Mai Xuân Hão về hôn nhân, con chung, là đúng. Tuy nhiên về tài sản và nợ chung của vợ chồng là không đúng.

Về tài sản chung của vợ chồng gồm có:

- Trong ngày cưới cha mẹ ruột anh là ông Nguyễn Ngọc L, bà Bùi Thị Mcho 20 (hai mươi) chỉ vàng 24k loại 9999. Ông chú và bà Ngoại của anh mỗi người cho

vợ chồng anh 01 (một) chỉ vàng 24k. Tổng cộng là 22 (hai mươi hai) chỉ vàng 24k loại 9999.

- Cha mẹ vợ là ông Mai Văn Hiệp, bà Đinh Thị Bích v cho 10 (mười) chỉ vàng 24k loại 9999 và 18 (mười tám) chỉ vàng 18k

Tài sản riêng của anh gồm có: 03 (ba) chỉ vàng 24k, hiện nay số vàng này anh đã bán hết để chi trả nợ bên ngoài.

Toàn bộ tài sản trên hiện nay anh không có cất giữ.

Về nợ chung:

- Nợ Ngân hàng thương mại cổ phần Nam Á là 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng) là không đúng. Trong số tiền vay trên vợ chồng anh chỉ đứng tên vay vốn 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng), còn lại 1.200.000.000 đồng (một tỷ hai trăm triệu đồng) là do ba mẹ ruột anh là ông Long, bà Mai đứng tên vay.

- Nợ Ngân hàng Xuất nhập khẩu Việt Nam EXIMBANK – chi nhánh Cần Thơ – phòng giao dịch Cờ Đỏ số tiền là 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu đồng), số tiền trên là do vợ chồng anh vay để làm ăn trong gia đình.

Nay chị Hkhởi kiện xin ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn với chị Hão

Về con chung: không có

Về tài sản và nợ chung: Tại phiên tòa anh H cũng thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Tại bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 20/9/2019, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị Mtrình bày*:** Bà Mai xác định trong ngày cưới vợ chồng bà có cho Chị Mai Xuân H số vàng là 20 (hai mươi) chỉ vàng 24k loại 9999. Ngoài ra cũng trong ngày cưới bà có đưa cho mẹ ruột và em ruột của bà mỗi người 01 (một) chỉ vàng 24k để cho chị Hão. Tổng cộng gia đình bà đã cho vợ chồng chị Hão, anh H là 22 (hai mươi hai) chỉ vàng 24k loại 9999.

Việc chị Hcho rằng bà có mượn 33 (ba mươi ba) chỉ vàng 24k, 17 (mười bảy) chỉ vàng 18k và số tiền là 11.500.000 đồng (mười một triệu năm trăm nghìn đồng) là không đúng. Bà Mai xác định bà không có mượn số tài sản trên của chị Hão.

Nay chị Hđã rút lại yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản và nợ chung nên bà không có yêu cầu gì.

***Tại bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 20/9/2019, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Mai Văn Hiệp, bà Đinh Thị Bích v trình bày*:** Ông Hiệp, bà Vân xác định trong ngày cưới ông, bà có cho Chị Mai Xuân H số vàng là 10 (mười) chỉ vàng 24k loại 9999 và 18 (mười tám) chỉ vàng 18k. Nay chị Hđã rút lại yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản và nợ chung nên ông bà không có yêu cầu gì.

Tại văn bản ý kiến đề ngày 28/11/2019 đại diện Ngân hàng Thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam- chi nhánh Cần Thơ - phòng giao dịch Cờ Đỏ là ông Huỳnh Phú Quí trình bày: Vào ngày 31/10/2018 Ngân hàng Thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam- chi nhánh Cần Thơ - phòng giao dịch Cờ

Đỏ có ký hợp đồng tín dụng (hợp đồng vay) với vợ chồng Anh Nguyễn Văn H, Chị Mai Xuân H. Hợp đồng thỏa thuận như sau:

Vợ chồng anh H, chị Hvay số tiền gốc là 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu đồng). Tài sản thế chấp bảo đảm nợ vay gồm có:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở số BX185842 diện tích 12.960m^2, thửa số 429, tờ bản đồ số 05 tọa lạc tại ấp Thạnh Vinh, xã Thạnh Phước, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang được Ủy ban nhân dân huyện Giồng Riềng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 30/01/2015.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở số L646962 diện tích 9.279m^2, thửa số 96, tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại khu phố 6, thị trấn Giồng Riềng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang được Ủy ban nhân dân huyện Giồng Riềng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 02/6/1998.

Trong quá trình vay vốn tại Ngân hàng anh H, chị Hchưa vi phạm hợp đồng và nghĩa vụ thanh toán nợ với Ngân hàng. Nay việc tranh chấp hôn nhân và gia đình - ly hôn, chia tài sản và nợ chung giữa anh H, chị Hkhông làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của Ngân hàng nên Ngân hàng không có yêu cầu gì và không tham gia tố tụng tại Tòa án. Nếu sau này Ngân hàng và anh H, chị Hcó phát sinh tranh chấp gì thì Ngân hàng sẽ khởi kiện thành một vụ kiện dân sự khác.

Tại văn bản ý kiến đề ngày 07/01/2020 đại diện Ngân hàng Thương mại cổ phần Nam Á - chi nhánh Kiên Giang là bà Huỳnh Thị Phương Thảo trình bày: Hiện nay Anh Nguyễn Văn H và Chị Mai Xuân H không có thế chấp vay vốn tại Ngân hàng nên Ngân hàng không tham gia tố tụng tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Hkhởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh H nên đây là "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – xin ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh H là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Đối với Ngân hàng thương mại cổ phần Nam Á – chi nhánh Kiên Giang và Ngân hàng Xuất nhập khẩu Việt Nam EXIMBANK – chi nhánh Cần Thơ – phòng giao dịch Cờ Đỏ với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án tuy nhiên Ngân hàng không có yêu cầu gì và có văn bản từ chối không tham gia tố tụng tại Tòa án. Xét thấy, sự vắng mặt của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của họ và việc giải quyết vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt đối với những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là phù hợp với quy định tại điểm d khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

- Xét về hôn nhân: Chị Hvà anh H chung sống với nhau vào năm 2018, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Hưng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 98 vào ngày 29/5/2018. Do vậy việc kết hôn của chị Hvà anh H đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật, quan hệ hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Do đó khi có yêu cầu ly hôn thì Toà án áp dụng luật Hôn nhân gia đình năm 2014 để giải quyết.

Xét về mâu thuẫn giữa chị Hvà anh H, lúc đầu chỉ là mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống mà các cặp vợ chồng thường mắc phải, Hội đồng xét xử (HĐXX) thấy rằng chỉ vì mâu thuẫn nhỏ trong gia đình mà anh, chị không tìm hiểu nguyên nhân từ đâu để vợ chồng cùng nhau tìm cách dàn xếp, khắc phục, tháo gỡ những mâu thuẫn. Nhưng ở đây anh, chị đã không làm được điều đó mà để cho mâu thuẫn kéo dài ngày càng trầm trọng cho đến nay, mà đẫn đến chị Hkhởi kiện yêu cầu xin được ly hôn với anh H. Từ khi thụ lý vụ kiện Tòa án tiến hành mời hai bên hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay HĐXX động viên anh, chị bỏ qua những mâu thuẫn nhỏ để tiếp tục đoàn tụ chung sống với nhau nhưng chị Hcương quyết xin ly hôn, anh H cũng đồng ý ly hôn. HĐXX xét thấy quá trình chung sống giữa anh, chị đã xảy ra nhiều mâu thuẫn kéo dài mà không thể tự hòa giải với nhau, đồng thời anh, chị có thời gian khắc phục mẫu thuẫn, nhưng không có kết quả. Nay chị Hvà anh H thống nhất thuận tình ly hôn không chung sống với nhau nữa. Từ những cơ sở nhận định và phân tích trên cho thấy mâu thuẫn giữa chị Hvà anh H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nếu tiếp tục chung sống sẽ không có hạnh phúc. Do đó, chị Hyêu cầu được ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần được chấp nhận.

- Về con chung: Chị Hvà anh H xác định anh, chị không có con chung

- Về tài sản và nợ chung: Tại phiên tòa chị Hxin rút lại yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản và nợ chung của vợ chồng. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của chị Hlà hoàn toàn tự nguyện cần được chấp nhận, nên Tòa án đình chỉ phần yêu cầu trên của chị Hão.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Hyêu cầu xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.050.000 đồng (ba triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0006507 ngày 29/8/2019 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (do Ông Mai Văn Hnộp thay). Chị Hđược nhận lại số tiền là 2.750.000 đồng (hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng)

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm d khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho Chị Mai Xuân H được ly hôn với Anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Không có

3. Về tài sản và nợ chung: Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Chị Mai Xuân H là yêu cầu chia tài sản và nợ chung của vợ chồng.

4. Về án phí: Chị Hphải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.050.000 đồng (ba triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0006507 ngày 29/8/2019 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (do Ông Mai Văn Hnộp thay). Chị Hđược nhận lại số tiền là 2.750.000 đồng (hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 22/01/2020.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THA dân sự huyện;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu.

Dương Văn Hôm